

Số: **1013/2020/QĐST-HNGĐ**

*Tân Phú, ngày 27 tháng 11 năm 2020*

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN  
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 866/2020/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 10 năm 2020, giữa:

- *Nguyên đơn*: Bà Trần Lệ Q, sinh năm 1979; Hộ khẩu thường trú và ngụ tại: Số 78 đường D13, phường T, quận T, Thành phố H;

- *Bị đơn*: Ông La Thanh T, sinh năm 1971; Hộ khẩu thường trú: Khóm 1, thị trấn C, huyện T, tỉnh A; Chỗ ở hiện nay: Số 304/36/12, đường Tân K, phường S, quận T, Thành phố H;

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 19 tháng 11 năm 2020.

**XÉT THẤY:**

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 19 tháng 11 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:** Bà Trần Lệ Q và ông La Thanh T.

**2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

**Về quan hệ vợ chồng:** Bà Trần Lệ Q và ông La Thanh T thuận tình ly hôn.

Giấy chứng nhận kết hôn số 119/2019 ngày 01/8/2019 do Ủy ban nhân dân phường T, quận T, Thành phố H cấp cho bà Q và ông T không còn giá trị pháp lý kể từ ngày Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự của Tòa án có hiệu lực pháp lực.

**Về con chung:** Hai bên khai nhận vợ chồng có một con chung là La Thiện N, sinh ngày 16/11/2019. Khi ly hôn, hai bên thỏa thuận giao trẻ Nhân cho bà Q trực tiếp nuôi dưỡng. Ông T cấp dưỡng nuôi con chung 6.000.000 đồng/tháng cho đến khi trẻ N đủ 18 tuổi. Bắt đầu thực hiện từ tháng 12/2020.

+ Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng do các bên tự thỏa thuận. Nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu tòa án giải quyết.

+ Ông T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

+ Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha mẹ hoặc cá nhân, tổ chức (người thân thích, cơ quan quản lý nhà nước về gia đình, cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em, Hội liên hiệp phụ nữ), Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

**Về quan hệ tài sản:**

- Về tài sản chung: Hai bên khai nhận vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Hai bên khai nhận vợ chồng không có nợ chung.

**Về án phí:**

- Án phí hôn nhân sơ thẩm: Số tiền 150.000 (một trăm năm mươi nghìn) đồng và án phí cấp dưỡng nuôi con số tiền 150.000 (một trăm năm mươi nghìn) đồng do bà Trần Lệ Q tự nguyện chịu, tất cả được căn trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng mà bà Q đã nộp theo Biên lai thu số 0071109 ngày 12 tháng 10 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Q đã nộp đủ.

Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

**3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.**

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự,

người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014).

***Nơi nhận:***

- Đường sự;
- VKSND Q. Tân Phú;
- Chi cục THADS Q. Tân Phú;
- UBND phường T, quận T, TP. H;
- Lưu hồ sơ vụ án (Oanh).

**THẨM PHÁN**

**Trần Ngọc Mỹ**